

CHƯƠNG I. VẬN TẢI VÀ BUÔN BÁN QUỐC TẾ

1. Khái niệm vận tải:

- Theo nghĩa rộng: Vận tải là một quy trình kỹ thuật nhằm di chuyển vị trí của con người và vật phẩm trong không gian.***
- Theo nghĩa hẹp (dưới góc độ kinh tế), Vận tải là sự di chuyển vị trí của hành khách và hàng hoá trong không gian khi thoả mãn đồng thời 2 tính chất: là một hoạt động sản xuất vật chất và là***

CHƯƠNG I. VẬN TẢI VÀ BUÔN BÁN QUỐC TẾ

2. Đặc điểm

Là một ngành sản xuất vật chất của xã hội.

- Sức lao động: lao động của con người nhằm thực hiện việc di chuyển hàng hoá và hành khách từ địa điểm này đến địa điểm khác.
- Công cụ lao động: các phương tiện thiết bị như đầu máy, toa xe, ô tô
- Đối tượng lao động (đối tượng vận chuyển): hàng hoá hay hành khách cần

CHƯƠNG I. VẬN TẢI VÀ BUÔN BÁN QUỐC TẾ

Là ngành sản xuất vật chất đặc biệt của xã hội

- *là một quá trình tác động làm thay đổi về mặt không gian của đối tượng chuyên chở*
- *không sáng tạo ra sản phẩm vật chất mới*
- *Sản phẩm vận tải không dự trữ được*

CHƯƠNG I. VẬN TẢI VÀ BUÔN BÁN QUỐC TẾ

3. Phân loại:

3.1. Căn cứ vào phạm vi phục vụ

3.2. Căn cứ vào phạm vi hoạt động

3.3. Căn cứ vào môi trường hoạt động

3.4. Căn cứ vào đối tượng chuyên chở

3.5. Căn cứ vào khoảng cách chuyên chở

3.6. Căn cứ vào hành trình chuyên chở

CHƯƠNG I. VẬN TẢI VÀ BUÔN BÁN QUỐC TẾ

3.1. Căn cứ vào phạm vi phục vụ:

- *Vận tải nội bộ xí nghiệp*: việc vận chuyển trong nội bộ xí nghiệp, nhà máy, công ty... nhằm di chuyển nguyên vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm, cán bộ công nhân viên
- *Vận tải công cộng*: việc các công ty hay xí nghiệp vận tải chuyên chở vật phẩm hàng hoá từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ và vận chuyển con người từ địa điểm này đến địa điểm khác

CHƯƠNG I. VẬN TẢI VÀ BUÔN BÁN QUỐC TẾ

3.2. Căn cứ vào phạm vi hoạt động

- *Vận tải nội địa*: đáp ứng nhu cầu vận chuyển nội địa
- *Vận tải quốc tế*: hoạt động vận tải mà đối tượng vận chuyển đã vượt ra khỏi biên giới quốc gia
 - + *Vận tải quốc tế trực tiếp*: diễn ra giữa 2 hay nhiều nước có chung biên giới hoặc có chung vùng biển quốc tế
 - + *Vận tải quốc tế quá cảnh*: có sử dụng lãnh thổ của hai hay nhiều nước thứ ba

CHƯƠNG I. VẬN TẢI VÀ BUÔN BÁN QUỐC TẾ

3.3. Căn cứ vào môi trường hoạt động

- *Vận tải đường sắt*
- *Vận tải ô tô*
- *Vận tải đường thủy*
 - vận tải đường biển
 - vận tải đường sông
 - vận tải pha sông biển
- *Vận tải hàng không*
- *Vận tải đường ống*

CHƯƠNG I. VẬN TẢI VÀ BUÔN BÁN QUỐC TẾ

3.4. Căn cứ vào đối tượng chuyên chở

- *vận tải hàng hoá*
- *vận tải hành khách*
- *vận tải hàng hoá-hành khách*

CHƯƠNG I. VẬN TẢI VÀ BUÔN BÁN QUỐC TẾ

3.5. Căn cứ vào khoảng cách chuyên chở

- *vận tải đường gần*: lớn hơn 7400 km (4000 hải lý)
- *vận tải đường xa*: nhỏ hơn 7400 km

$$1 \text{ hải lý} = 1,852 \text{ km}$$

CHƯƠNG I. VẬN TẢI VÀ BUÔN BÁN QUỐC TẾ

3.6. Căn cứ vào hành trình chuyên chở

- *Vận tải một chặng*
- *Vận tải nhiều chặng*
- *Vận tải chở suốt*
- *Vận tải đơn phương thức (Unimodal Transport)*
- *Vận tải đa phương thức (Multimodal Transport)*
- *Vận tải đứt đoạn (segmented)*
- *Vận tải hàng lẻ*
- *Vận tải hàng nguyên*

1. *Mối quan hệ giữa vận tải và buôn bán quốc tế*

- *Vận tải quốc tế là hình thức chuyên chở hàng hoá hoặc hành khách giữa 2 hay nhiều nước với nhau*
- *Vận tải quốc tế là quá trình vận tải mà điểm đầu và điểm cuối nằm trên lãnh thổ của 2 nước khác nhau.*
- *Vận tải quốc tế và buôn bán quốc tế có mối quan hệ chặt chẽ, hữu cơ với nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển.*

1. *Mối quan hệ giữa vận tải và buôn bán quốc tế*

- Cước phí VT ảnh hưởng đến giá hàng chào bán
- Vận tải quốc tế làm thay đổi cơ cấu hàng hoá và cơ cấu thị trường XNK
- Vận tải quốc tế ảnh hưởng trực tiếp đến cán cân thanh toán của một nước.

III. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM VẬN TẢI TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI THƯƠNG

1. Khái niệm trách nhiệm vận tải

- ***Đứng trên góc độ người chuyên chở thì trách nhiệm vận tải là trách nhiệm tổ chức chuyên chở hàng hoá từ nơi nhận hàng đến nơi giao hàng.***

III. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM VẬN TẢI TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI THƯƠNG

1. *Khái niệm trách nhiệm vận tải*

Cách 1: căn cứ vào quyền vận tải hay quyền thuê tàu

- *Nhóm 1: Phần lớn trách nhiệm VT thuộc về người NK: EXW (Ex Works), FCA (Free Carrier).*

EXW: người XK giao hàng tại nhà máy, ng NK giành toàn bộ quyền VT

FCA: người NK thuê phương tiện VT

- *Nhóm 2: Phần lớn trách nhiệm VT thuộc về người XK: CPT (Carriage Paid to), CIP (Carriage and Insurance Paid to), DDU (Delivered Duty Unpaid), DDP (Delivered Duty Paid)*

CPT: người XK thuê phương thức VT nào và tuyến đường nào cũng được

CIP: người XK mua BH

DDU: người XK trả phí BH vì quyền lợi của mình

DDP: người XK trả thuế NK

III. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM VẬN TẢI TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI THƯƠNG

Cách 1: căn cứ vào quyền VT hay quyền thuê tàu

Nhóm 3: Trách nhiệm VT được phân chia một phần thuộc về người XK, một phần thuộc về người NK: FAS (Free Alongside Ship), FOB (Free On Board), CFR (Cost and Freight), CIF (Cost, Insurance and Freight), DES (Delivered Ex Ship), DEQ (Delivered Ex Quay), DAF (Delivered At Frontier).

FAS: người NK dành quyền VT chính

FOB: người XK chuyên chở hàng ra cảng và chịu chi phí bốc hàng lên tàu

CFR: giá hàng không bao gồm phí dỡ hàng

DES: điểm phân chia rủi ro cảng đến

DEQ: giá hàng gồm chi phí dỡ hàng tại cầu cảng

DAF: người XK giao hàng tại biên giới

III. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM VẬN TẢI TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI THƯƠNG

Cách 1: căn cứ vào quyền VT hay quyền thuê tàu

- Ưu điểm: đem lại một cái nhìn tổng quát về Incoterms 2000 dưới góc độ vận tải.
- Nhược điểm:
 - Rất khó áp dụng
 - thiếu chính xác

III. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM VẬN TẢI TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI THƯƠNG

Cách 2: căn cứ vào chặng vận tải chính

- **Nhóm E:** gồm duy nhất điều kiện **EXW**, ng NK dành quyền VT chặng chính, mọi phương thức
- **Nhóm F:** gồm các điều kiện **FCA, FAS, FOB**
 - **FCA:** ng NK dành quyền VT chặng chính, mọi phương thức
 - **FAS:** ng NK dành quyền VT chặng chính, đường biển
 - **FOB:** ng NK dành quyền VT chặng chính, đường biển

III. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM VẬN TẢI TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI THƯƠNG

- **Nhóm C: gồm các điều kiện CFR, CPT, CIP, CIF**

CFR: ng XK dành quyền VT chặng chính, mọi phương thức

CPT: ng XK dành quyền VT chặng chính, mọi phương thức

CIP: ng XK dành quyền VT chặng chính, mọi phương thức

CIF: ng XK dành quyền VT chặng chính, đường biển

- **Nhóm D: gồm các điều kiện DES, DEQ, DDU, DDP, DAF**

DES: ng XK dành quyền VT chặng chính, đường biển

DEQ: ng XK dành quyền VT chặng chính, đường biển

DDU: ng XK dành quyền VT chặng chính, mọi phương thức

DDP: ng XK dành quyền VT chặng chính, mọi phương thức

DAF: chưa biết ai giành quyền VT, mọi phương thức

Ưu điểm:
- dễ xác định và dễ áp dụng
- chính xác

III. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM VẬN TẢI TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI THƯƠNG

2. Quyền vận tải

- ***Người nào có trách nhiệm thanh toán trực tiếp toàn bộ hay một phần cước phí cho người chuyên chở và có trách nhiệm tổ chức việc chuyên chở hàng hoá trên toàn bộ hành trình hay trên chặng đường chính thì người đó giành được “quyền vận tải”.***
- ***Nếu hàng hoá XNK được chuyên chở bằng đường biển thì quyền đó gọi là “quyền thuê tàu”***

III. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM VẬN TẢI TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI THƯƠNG

Lưu ý:

- 6 đk hàng hoá phải chuyên chở bằng đường biển: FAS, FOB, CFR, DES, DEQ, CIF. 7 đk khác, hàng hoá được vận chuyển bằng mọi phương thức VT (VT đường biển).
- 2. Người XK dành được quyền VT khi bán hàng theo các đk CPT, CIP, DDU, DDP; dành được quyền thuê tàu khi bán hàng theo các đk CFR, CIF, DES, DEQ.
- 3. Người NK dành được quyền VT khi NK theo các đk EXW, FCA. Người NK dành được quyền thuê tàu khi NK theo các điều kiện FAS, FOB

III. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM VẬN TẢI TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI THƯƠNG

- Chủ động tổ chức chuyên chở, đàm phán, ký kết HĐ VT
- Lựa chọn người chuyên chở, tuyến đường VT, phương thức chuyên chở có lợi cho mình nếu HĐ MB không quy định cụ thể
- Khi HĐ mua bán không quy định thời gian giao hàng cụ thể, người dành quyền vận tải có thể chủ động trong việc giao nhận và vận chuyển hàng hoá
- Tận dụng được đội tàu buôn và phương tiện VT trong nước nhằm tăng thu và giảm chi ngoại tệ

III. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM VẬN TẢI TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI THƯƠNG

- Trường hợp 1: khó thuê hoặc không thuê được phương tiện VT (thiếu ngoại tệ, không biết cách thuê, cước phí tăng so với t/gian kí HĐMB)
- Trường hợp 2: Sự chênh lệch giữa giá FOB và giá CFR, giá FCA và giá CPT là không có lợi
- Trường hợp 3: quá cần bán hoặc quá cần mua một loại hàng nào đó trong khi đối phương muốn dành quyền vận tải
- Trường hợp 4: do luật pháp từng nước hay phong tục tập quán của cảng

CHƯƠNG II: CHUYỂN CHANG HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU BẰNG CÁCH BIỂN.

- I. Đặc điểm và tác dụng của vận tải đường biển*
- II. Cơ sở vật chất, kỹ thuật của VT đường biển*
- III. Các phương thức thuê tàu.*

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

I. Đặc điểm và tác dụng

1. Đặc điểm

Ưu điểm

- Các tuyến đường tự nhiên
- Năng lực chuyên chở lớn
- Cự ly chuyên chở dài, khả năng thông qua cao
- Giá thành VT biển thấp
- Thích hợp với hầu hết các loại hàng hoá trong TM QT
- Tiêu thụ nhiên liệu trên 1 tấn trọng tải thấp

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

I. Đặc điểm và tác dụng

1. Đặc điểm

Nhược điểm

- phụ thuộc vào đk tự nhiên và đk hàng hải
- Tốc độ của các tàu biển tương đối thấp
- Thời gian giải phóng hàng khỏi tàu chậm

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

2. Tác dụng

- Thích hợp với việc chuyên chở hàng hoá trong buôn bán QT
- Góp phần mở rộng quan hệ buôn bán QT
- Làm thay đổi cơ cấu hàng hoá và cơ cấu thị trường trong buôn bán QT
- Ảnh hưởng đến cán cân thanh toán QT
- Ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh XNK

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

1. Các tuyến đường biển (tuyến đường hàng hải- Ocean Line)

a. Khái niệm

Là các tuyến đường nối giữa 2 hay nhiều
cảng với nhau

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

1. Các tuyến đường biển (tuyến đường hàng hải- Ocean Line)

b. Phân loại

- Theo phạm vi hoạt động:

- **Tuyến đường hàng hải nội địa
(Domestic Navigation line)**

- **Tuyến đường hàng hải QT
(International Navigation Line)**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

1. Các tuyến đường biển (tuyến đường hàng hải- Ocean Line)

b. Phân loại

- Theo mục đích sử dụng:

- **Tuyến đường hàng hải định tuyến
(Regular Navigation Line)**
- **Tuyến đường hàng hải không định**
- **Tuyến đường hàng hải đặc biệt (Special
Navigation Line)**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

2. Cảng biển (Sea port)

a. Khái niệm

Là nơi ra vào neo đậu của tàu biển, là nơi phục vụ tàu và hàng hoá chuyên chở trên tàu

b. Chức năng:

- Phục vụ tàu ra vào, neo đậu làm hàng tại cảng**
- Phục vụ hàng hoá chuyên chở trên tàu**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

2. Cảng biển (Sea port)

c. Phân loại

- Theo mục đích sử dụng:

- cảng buôn
- Cảng quân sự
- cảng cá
- cảng trú ẩn
- cảng cạn/ cảng thông quan nội địa
(Inland Clearance Depot)

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

2. Cảng biển (Sea port)

c. Phân loại

- Theo phạm vi phục vụ:

- cảng nội địa
- cảng QT

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỖ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

2. Cảng biển (Sea port)

d. Các trang thiết bị của cảng

- Nhóm trang t/bị phục vụ tàu ra vào, neo đậu để làm hàng
- Nhóm trang t/bị phục vụ việc xếp dỡ hàng hoá
- Trang t/bị kho bãi của cảng
- Hệ thống đường giao thông và các công cụ vận chuyển trong cảng
- Trang t/bị nổi của cảng
- Trang t/bị khác

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

a. Khái niệm

Tàu buôn là những tàu biển được dùng vào mục đích KT trong hàng hải

b. Đặc trưng KT kỹ thuật của tàu buôn

- Tên tàu (Ship name)**
- Cảng đăng kí của tàu (Port of Registry)**
- Cờ tàu**
- Chủ tàu (Shipowner)**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

b. Đặc trưng KT kỹ thuật của tàu buôn

- **Người chuyên chở (Carrier)**
- **Kích thước của tàu (Dimension of Ship):**
 - **Chiều dài của tàu (Length over all)**
 - **Chiều rộng của tàu (Breadth extreme)**
- **Mớn nước (Draft/Draught)**
 - **Mớn nước tối thiểu (Light Draft)**
 - **Mớn nước tối đa (Loaded/Laden Draft)**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

b. Đặc trưng KT kỹ thuật của tàu buôn

- Trọng lượng của tàu (Displacement Tonnage)
 - + Trọng lượng tàu không hàng (Light Displacement)
 - + Trọng lượng tàu đầy hàng (Heavy Displacement)
- Dung tích đăng kí của tàu (Registered tonnage)
 - + Dung tích đăng kí toàn phần (Gross Registered Tonnage)
 - + Dung tích đăng kí tịnh (Net Registered tonnage)

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

b. Đặc trưng KT kỹ thuật của tàu buôn

- Trọng tải của tàu:**

- + Trọng tải tịnh của tàu**

- + Trọng tải toàn phần của tàu**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

c. Phân loại tàu buôn

① Theo công dụng (3 nhóm tàu)

- Nhóm tàu chở hàng khô (Dry cargo Ship)

- Tàu chở hàng bách hoá (General Cargo Ship)
- Tàu container
- Tàu chở hàng khô với khối lượng lớn

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

c. Phân loại tàu buôn

① Theo công dụng

- Nhóm tàu chở hàng lỏng (Track carrier)**
- Tàu chở hàng lỏng có t/chất tổng hợp**
- Tàu chở hàng lỏng có t/chất chuyên dùng**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

c. Phân loại tàu buôn

① Theo công dụng

- Nhóm tàu đặc biệt (Special Cargo Ship)

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

c. Phân loại tàu buôn

② Theo động cơ của tàu

- Tàu động cơ hơi nước
- Tàu động cơ diesel
- Tàu buồm
- Tàu động cơ nguyên tử

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

c. Phân loại tàu buôn

③ Theo cỡ tàu

- Tàu nhỏ
- Tàu trung bình
- Tàu rất lớn VLCC (Very Large Crate Carrier)
- Tàu cực lớn ULCC (Ultra Large Crate Carrier)
- Tàu Paramax
- Tàu Xuyemax

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

c. Phân loại tàu buôn

④ Theo phương thức KD

- **Tàu chợ (Liner)**
- **Tàu chạy rộng (Tramp): Voyage Charter và Time Charter**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

c. Phân loại tàu buôn

⑤ Theo cờ tàu

- Tàu treo cờ thường: national flag**
- Tàu treo cờ phương tiện: flag of convenience**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

c. Phân loại tàu buôn

⑥ Theo cấu trúc của tàu

- Tàu 1 boong
- Tàu nhiều boong
- Tàu đơn vỏ
- Tàu 2 vỏ

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

c. Phân loại tàu buôn

⑦ Theo tuổi tàu:

- **Tàu trẻ**
- **Tàu trung bình**
- **Tàu già**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

a. Khái niệm, đặc điểm tàu chợ

- Khái niệm: Là tàu chạy thường xuyên trên 1 tuyến đường nhất định, ghé qua những cảng nhất định, theo 1 lịch trình định trước

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

a. Khái niệm, đặc điểm tàu chợ

- Đặc điểm

- chở hàng bách hoá có khối lượng nhỏ
- cấu trúc phức tạp, nhiều boong nhiều hầm
- tốc độ nhanh, 18-20 hải lý/giờ
- Điều kiện chuyên chở in sẵn trên vận đơn
- Cước do các hãng tàu công bố trên biểu cước.
- Không có thưởng phạt xếp dỡ

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

b. Phương thức thuê tàu chợ

- **Khái niệm: chủ hàng trực tiếp hoặc thông qua người môi giới yêu cầu chủ tàu cho mình thuê một phần chiếc tàu.**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

b. Phương thức thuê tàu chợ

• Các bước thuê

- ① Chủ hàng nhờ người môi giới tìm tàu hỏi tàu
- ② Người môi giới chào tàu hỏi tàu
- ③ Thương lượng giữa người môi giới với chủ tàu
- ④ Người môi giới thông báo với chủ hàng KQ lưu cước
- ⑤ Chủ hàng vận chuyển hàng ra cảng giao cho tàu
- ⑥ Chủ tàu/đại diện chủ tàu PH 1 bộ VĐ (OceanB/L).

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. Vận đơn đường biển (Sea/Ocean B/L)

- **Khái niệm:** là chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển do ng chuyên chở/đại diện của ng chuyên chở PH cho ng gửi hàng

- **Chức năng**

- ① Là bằng chứng duy nhất xác định HĐ chuyên chở đã được kí kết
- ② Là biên lai nhận hàng để chở của ng chuyên chở
- ③ Là bằng chứng xác nhận quyền SH hàng hoá ghi trên VĐ

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

**Sử dụng VĐ vào các việc sau trong TM hàng hải
QT**

- Đ/với chủ gửi:

- dùng VĐ làm bằng chứng đã giao hàng cho ng mua thông qua ng chuyên chở**
- dùng VĐ để chứng minh với ng mua về tình trạng hàng hoá**
- VĐ cùng các c/từ khác lập thành bộ c/từ thanh toán tiền hàng**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

Sử dụng VĐ vào các việc sau trong TM hàng hải QT

- Đối với người vận chuyển:

- dùng VĐ để PH cho ng gửi hàng khi nhận hàng để chở
- dùng VĐ để giao hàng ở cảng đến

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

**Sử dụng VĐ vào các việc sau trong TM hàng hải
QT**

- Đối với chủ nhận:

- dùng VĐ xuất trình để nhận hàng**
- dùng VĐ XĐ lượng hàng hoá ng bán giao cho mình**
- dùng VĐ làm c/từ cầm cố thế chấp chuyển nhượng**
- dùng VĐ làm c/từ trong bộ hồ sơ khiếu nại**
- dùng VĐ làm c/từ hoàn tất thủ tục XNK**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

Giao hàng không dùng VĐ gốc

- **Seaway Bill:** là c/từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển do ng chuyên chở PH cho ng nhận hàng có tên cụ thể ở nơi đến.
- **VĐ giao hàng tốc hành (Express Bill)**
- **VĐ Surrender:** VĐ trên đó đóng dấu hay in chữ surrender.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

- Phân loại B/L
 - Căn cứ vào tình trạng xếp dỡ hàng hoá
- VĐ đã xếp hàng (Shipped/Laden on board B/L):
- VĐ nhận để xếp (Received for Shipment B/L)
 - Căn cứ vào việc chuyển nhượng SH hàng hoá ghi trên VĐ
- VĐ đích danh (Straight B/L):
- VĐ theo lệnh (B/L to order of):
- VĐ vô danh (B/L to bearer)

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

- Phân loại B/L
 - Căn cứ vào phê chú của thuyền trưởng trên VĐ
- VĐ hoàn hảo/sạch/tinh khiết (Clean B/L):
- VĐ không hoàn hảo (Unclean B/L):
 - Căn cứ vào hành trình chuyên chở hàng hoá
- Vận đơn đi thẳng (Direct B/L):
- Vận đơn chở suốt (Through B/L):
- Vận đơn vận tải liên hợp (Combined Transport B/L)

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

- Phân loại B/L
 - Căn cứ vào phương thức thuê tàu
- Vận đơn tàu chợ (Conline Bill/Liner B/L):
- Vận đơn tàu chuyển/vận đơn theo hợp đồng thuê tàu (Congen bill/Voyage B/L/B/L to charter party)
 - Căn cứ vào giá trị sử dụng và khả năng lưu thông
- Vận đơn gốc
- Vận đơn copy

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

- **Phân loại B/L**
 - Căn cứ vào hình thức phát hành
- **Vận đơn điện tử (Electronic B/L):**
- **Vận đơn giấy**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

Nội dung của VĐ

Mặt 1 gồm:

- ① Tên và địa chỉ người PH VĐ**
- ② Số vận đơn (No of B/L)**
- ③ Shipper- người xếp hàng**
- ④ Consignee-người nhận hàng**
- ⑤ Địa chỉ thông báo (Notify Party)**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

Nội dung của VĐ

Mặt 1 gồm:

- ⑥ Ngày và nơi PH VĐ (Date and Place of issue)
- ⑦ Thông tin về hành trình:
- ⑧ Thông tin về hàng hoá:
- ⑨ Thông tin về tàu vận chuyển:
- ⑩ Cước phí:

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

Nội dung của VĐ

Mặt 1 gồm:

11. For the Master-Ý kiến của thuyền trưởng:

12. Người kí VĐ:

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

Nội dung của VĐ

Mặt 2 in đầy đủ đk chuyên chở:

- khái niệm: ng chuyên chở, ng xếp hàng
- TN của ng chuyên chở
- Miễn trách cho ng chuyên chở (17)
- GH TN
- Điều khoản mô tả hàng hoá
- Điều khoản xếp dỡ và giao hàng
- Điều khoản cước phí và phụ phí

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

Nội dung của VĐ

Mặt 2 in đầy đủ đk chuyên chở:

- Điều khoản chậm giao hàng
- Điều khoản về tổn thất chung
- Điều khoản về chiến tranh, đình công
- Điều khoản xếp hàng trên boong hay súc vật sống

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

- Luật QT gồm:

- Công ước QT: *Brucxell 1924* (còn gọi là quy tắc *Hague 1924*)
- QT *Visby 1968* (cùng với QT *Hague* → gọi là QT *Hague- Visby*)
- *NĐT SDR 1979*
- *QT Hamburg 1978*
- *Hiệp định đa biên và song biên*

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

- Luật hàng hải QG gồm:

- *Bộ Luật hàng hải VN 1990*
- *Bộ Luật hàng hải VN 2005 có hiệu lực từ 1/1/2006.*
- *Tập quán hàng hải QT và các cảng*

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Phạm vi áp dụng:

- *QT Hague 1924*

- *QT Visby 1968:*

- + *a/d với VĐ được cấp ở nước tham gia CU'.*

- + *a/d cho hàng hoá vận chuyển từ cảng của 1 QG*

- + *B/L, C/P có dẫn chiếu đến CU' hoặc luật QG cho phép áp dụng CU'.*

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Phạm vi áp dụng:

- ***QT Hamburg 1978:***

- + ***a/d cho cảng bốc hay cảng dỡ của QG kí CU'***

- + ***VĐ được cấp tại 1 QG kí CU'***

- + ***HĐ chuyên chở dẫn chiếu tới CU' hay luật QG***

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Đối tượng hàng hoá điều chỉnh:

- *Hague và Visby a/d cho tất cả các loại hàng hoá*
- *Hamburg 1978 a/d cho tất cả hàng hoá cả súc vật sống*
- *Bộ luật Hàng hải VN 1990/2005:*

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

TN của ng chuyên chở:

Thời hạn TN

- *Quy tắc Hague và Visby*
- *QT Hamburg rộng hơn*
- + *Nhận hàng*
- + *Giao hàng*
- *Bộ luật Hàng hải VN*

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

TN của ng chuyên chở:

QT Hague và QT Hague- Visby: TN

- cung cấp tàu có đủ khả năng đi biển (3đk)

① Tàu phải bền chắc

② Tàu phải được trang bị và biên chế đầy đủ về mọi mặt

③ Các trang thiết bị, hầm quây hàng phải được tu sửa

- TN cấp VĐ

- TN thương mại của ng chuyên chở

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

TN của ng chuyên chở:

- QT Hague -Visby: 17 TH miễn trách

1. Lỗi hàng vận:

2. Cháy:

3. Tai hoạ nguy hiểm/tai nạn của biển gây nên

4. Thiên tai (Act of God)

5. Chiến tranh và hành động chiến tranh:

6. Do hành động của kẻ thù, của công chúng

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

TN của ng chuyên chở:

- QT Hague -Visby: 17 TH miễn trách:

7. Tàu và hàng bị cầm giữ

8. Do hạn chế về cấm dịch

9. Do đình công

10. Do hành vi thiếu sót của chủ hàng gây nên

11. Cứu hay có ý cứu sinh mạng TS trên biển

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

TN của ng chuyên chở:

- QT Hague -Visby: 17 TH Miễn trách:

12. Do bạo động của thuỷ thủ đoàn/hành khách.

13. Hao hụt trọng lượng/bất kì thiệt hại tổn thất nào do ẩn tì hay nội tì của hàng hoá.

14. Bao bì k đầy đủ

15. Kí mã hiệu của hàng hoá không đầy đủ/sai

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

TN của ng chuyên chở:

- QT Hague -Visby: 17 TH Miễn trách:

16. Do ẩn tì của tàu

*17. tổn thất thiệt hại đến với hàng k do lỗi
của ng chuyên chở*

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

TN của ng chuyên chở:

- QT Hamburg

- *TN: ng chuyên chở phải chịu TN đ/với tổn thất thiệt hại đến với hàng hoá hoặc chậm giao hàng*

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

TN của ng chuyên chở:

- *QT Hamburg*

• *Miễn trách:*

1. *Cháy do nguyên nhân khách quan*

2. *Do vận chuyển súc vật sống (hàng đặc biệt) nếu sút cân hay bệnh dịch*

3. *Do phải đi cứu hộ*

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

TN của ng chuyên chở:

- ***Bộ luật Hàng hải VN 1990/2005: quy định cơ sở TN giống QT Hague và Visby nhưng ng chuyên chở muốn không bồi thường phải chứng minh mình không có lỗi (dùng nguyên tắc suy đoán lỗi giống QTHamburg)***

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Giới hạn TN:

- QT Hague 1924:

- ***nếu hàng hoá có kê khai gtrị trên VĐ***
- ***nếu hàng hoá không kê khai gtrị trên VĐ:
100 GBP/đơn vị hàng hoá hay 1 kiện
hàng.***

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Giới hạn TN:

- QT Visby 1968:

• Đ/với hàng hoá:

+ Nếu hàng hoá không kê khai gtrị trên VĐ

+ Nếu hàng hoá có kê khai gtrị trên VĐ:

**10000 Fr vàng /đơn vị hay 1 kiện hoặc 30
fr vàng/kg hàng hoá cả bì**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Giới hạn TN:

- QT Visby 1968:

• Đ/với container

+ Nếu các kiện hàng đóng trong container không kê khai trên VĐ

+ Nếu các kiện hàng đóng trong container có kê khai trên VĐ

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Giới hạn TN:

***- NĐT SDR 1979: chỉ sửa đổi Hague và
Visby ở GHTN***

***666,67 SDR/đvị hàng hoá hay 1 kiện
hàng hoặc 2 SDR/kg***

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Giới hạn TN:

- QT Hamburg 1978:

- *Nếu hàng hoá kê khai gtrị trên VĐ*
- *Nếu hàng hóa không kê khai gtrị trên VĐ: 835 SDR/đvị hàng hoá hay 1 kiện hàng hoặc 2,5 SDR/kg hàng hoá cả bì*
- *Khác Hague và Visby: Chậm giao hàng:*

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Giới hạn TN:

- QT Hamburg 1978:

+ Đối với container: gần giống Visby

- Nếu mỗi kiện hàng đóng trong container có kê khai trên VĐ**
- Nếu mỗi kiện hàng đóng trong container không kê khai trên VĐ**
- Nếu vỏ container, khay hàng hay các dụng cụ VT khác không do ng chuyên chở cung cấp**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Giới hạn TN:

- Bộ Luật Hàng hải VN 2005: quy định giống Visby năm 1968*
- Hàng không kê khai gtrị: 666,67 SDR/đvị hoặc 1 kiện hoặc 2 SDR/kg*
- Hàng chậm giao: giống Hamburg*
- Container: giống Visby*

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Thông báo tổn thất:

- QT Hague 1924:

- *nếu là tổn thất rõ rệt :thông báo ngay trước hoặc trong khi giao hàng.*
- *nếu là tổn thất không rõ rệt :thông báo trong vòng 3 ngày kể từ ngày giao hàng.*

- QT Visby: quy định giống Hague

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Thông báo tổn thất:

- QT Hamburg:

- *nếu là tổn thất rõ rệt, thông báo không muộn hơn ngày sau ngày làm việc*
- *Nếu là tổn thất không rõ rệt, thông báo trong vòng 15 ngày kể từ ngày giao hàng.*
- *Chậm giao: thông báo trong vòng 60 ngày*
- *Hàng mất: thông báo trong vòng 90 ngày⁸⁷*

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Thông báo tổn thất:

- Bộ Luật Hàng hải VN 2005

- nếu tổn thất rõ rệt phải thông báo ngay trước hoặc trong khi giao hàng*
- nếu tổn thất không rõ rệt phải thông báo trong vòng 3 ngày kể từ ngày giao hàng*
- chậm giao hàng: thông báo trong vòng 60 ngày*

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Thời hạn khiếu kiện/thời hiệu tố tụng

- QT Hague: 1 năm
- QT Visby: không vượt quá 15 tháng
- QT Hamburg: không quá 2 năm
- Bộ Luật Hàng hải VN 1990 thời hạn khiếu nại (1 năm)
- Bộ Luật Hàng hải VN 2005: thời hiệu tố tụng là 2 năm đ/v HĐ chuyên chở chuyển, HĐ chuyên chở theo chứng từ là 1 năm.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyến (Voyage chartering)

a. Khái niệm và đặc điểm của tàu chuyến

- Khái niệm: là tàu chạy rộng, đáp ứng nhu cầu bất thường của khách hàng

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyến (Voyage chartering)

a. Khái niệm và đặc điểm của tàu chuyến

- Đặc điểm:

- ① Tàu chuyến thường vận chuyển hàng hoá có khối lượng lớn, tính chất thuần nhất
- ② Tàu chuyến có cấu tạo 1 boong, miệng hầm rộng
- ③ đk chuyên chở, cước, chi phí xếp dỡ hàng hoá lên xuống tàu được quy định cụ thể trong HĐ thuê tàu

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyển

- Khái niệm: Shipowner cho Charterer thuê toàn bộ hay 1 phần chiếc tàu để chuyên chở hàng hoá từ cảng này đến cảng khác bằng 1 VB gọi là HĐ thuê tàu chuyển (Voyage charter party, V(C/P) hay V C/P)**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyển

- Các bước thuê:

- ① Ng thuê tàu nhờ ng môi giới tìm tàu và hỏi tàu
- ② Chào tàu hỏi tàu của ng môi giới
- ③ Đàm phán giữa người môi giới và ng cho thuê.
- ④ Ng môi giới thông báo KQ đàm phán cho người thuê.
- ⑤ Kí kết HĐ giữa ng thuê và ng cho thuê
- ⑥ Thực hiện HĐ

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Các hình thức thuê:

- Thuê chuyển một:
- Thuê chuyển một khứ hồi:
- Thuê chuyển một liên tục
- Thuê chuyển một liên tục khứ hồi:
- Thuê khoán:
- Thuê bao toàn bộ tàu
- Thuê định hạn:

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyển

HĐ thuê tàu

- **Khái niệm:** là một VB trong đó ng cho thuê tàu cam kết sẽ chuyên chở hàng hoá từ cảng này đến cảng khác theo yêu cầu của ng thuê tàu còn người thuê cam kết sẽ thanh toán cước phí.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyển

HĐ thuê tàu

Mẫu HĐ: Có hơn 60 loại mẫu HĐ khác nhau

- Mẫu HĐ có t/chất tổng hợp: mẫu hợp đồng GENCON do BIMCO PH 1922, đã sửa đổi 1976 và 1994
- Mẫu HĐ có t/chất chuyên dùng

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyến (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyến

Nội dung của mẫu HĐ

① Chủ thể

- ng cho thuê:
- ng thuê:

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyến (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyến

Nội dung của mẫu HĐ

② Tàu

- Tên tàu
- Quốc tịch của tàu
- Chất lượng tàu
- Trọng tải
- Động cơ
- Cấp hạng của tàu

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

③ T/gian tàu đến cảng xếp hàng (Lay day) và ngày huỷ HĐ (Cancelling day)

- T/gian tàu đến cảng xếp hàng: t/gian tàu phải đến cảng nhận hàng để xếp.

- + Quy định 1 khoảng thời gian

- + Quy định 1 ngày cụ thể

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

③ T/gian tàu đến cảng xếp hàng (Lay day) và ngày huỷ HĐ (Cancelling day)

- Ngày huỷ HĐ là ngày cuối cùng của thời gian tàu phải đến cảng nhận hàng để xếp.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyến (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyến

Nội dung của mẫu HĐ

④ Commodity Clause- Điều khoản về hàng hoá

- Tên hàng:
- Bao bì đóng gói
- Số lượng hàng gửi
- TN chuyên chở hàng đầy đủ

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑤ Cảng xếp dỡ hàng

- Cảng xếp/1 số cảng xếp; cảng dỡ/1 số cảng dỡ
- Cảng xếp dỡ phải là 1 cảng an toàn
- + An toàn về mặt hàng hải
- + An toàn về mặt chính trị XH

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑥ Cước phí

- Mức cước
- Đơn vị tính cước
- Số lượng hàng hoá tính cước ➡

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑥ Cước phí

- T/gian thanh toán cước: ➡
- Đồng tiền thanh toán cước: ngoại tệ mạnh

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑦ CP xếp dỡ hàng hoá lên xuống tàu

- CP xếp dỡ theo tàu chợ (Liner terms): TN thuộc về chủ tàu nhưng k quy định về t/gian xếp dỡ và thưởng phạt xếp dỡ.
- Miễn CP xếp hàng cho ng chuyên chở: FT free in. TN xếp hàng lên tàu thuộc về ng bán.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỖ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑦ CP xếp dỡ hàng hoá lên xuống tàu

- Miễn CP dỡ hàng cho ng chuyên chở
freeout FO**
- Miễn CP xếp dỡ cho ng chuyên chở free
in and out FIO**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑧ T/gian xếp dỡ hàng hoá (Laytime): t/gian cho phép để người thuê tàu thực hiện công việc xếp dỡ hàng hoá lên xuống tàu.

- Cách quy định t/gian xếp dỡ:

- Quy định thời gian xếp dỡ chung:
- Quy định thời gian xếp riêng dỡ riêng:
- Mức xếp dỡ: tính được thời gian xếp dỡ = khối lượng hàng hoá/NS xếp dỡ của cảng.
- Xếp dỡ theo tập quán cảng

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

- Đơn vị tính thời gian xếp dỡ

- Running days
- Working days (ngày làm việc)
- Working days of 24 hours
- WD of 24 consecutive hours
- Weather WD (ngày làm việc thời tiết cho phép/ngày làm việc tốt trời)

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

- Cách quy định thời gian xếp dỡ

- To be loaded 10 WD of 24 consecutive hours, Sunday and holidays excepted**
- To be loaded 10 WD of 24 consecutive hours, Sunday and holidays even used**
- To be loaded 10 WD of 24 consecutive hours, Sunday and holidays unless used:**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

- Mốc tính t/gian xếp dỡ: phụ thuộc vào ngày giờ đưa và chấp nhận thông báo sẵn sàng xếp dỡ- NOR notice of Readiness → tàu thoả mãn 3 đk:

1. Tàu đã cập cầu hay đi vào vùng TM quy định của cảng để làm hàng.
2. Tàu đã hoàn tất thủ tục vào cảng.
3. Các hầm quây hàng, trang th bị phải trong tư thế nhận hàng để xếp hoặc trong tư thế sẵn sàng giao hàng.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

Theo mẫu HĐ GENCON:

- nếu NOR đưa trước 12 h trưa của ngày làm việc đã định, thời gian xếp dỡ tính từ 13 h chiều.
- nếu NOR được đưa vào buổi chiều của ngày làm việc đã định, thời gian xếp dỡ tính từ 6 giờ buổi sáng của ngày làm việc hôm sau.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

Một số mẫu HĐ có in sẵn điều khoản 4 W

- W: WIPON (Whether input or not)
- W: WIBON (Whether in perth or not)
- W: WIFPON (Whether in free, pratique or not)
- W: WICCON (Whether in clear customs or not)

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑨ Thường phạt xếp dỡ nhanh chậm

- Demurrage/tiền phạt xếp dỡ chậm: khoản tiền mà ng thuê phải trả cho chủ tàu về việc xếp dỡ hàng hoá chậm hơn so với HĐ.

• T/gian bị phạt: Đã bị phạt là phạt liên tục (Running days)

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑨ Thường phạt xếp dỡ nhanh chậm

- Demurrage/tiền phạt xếp dỡ chậm: khoản tiền mà ng thuê phải trả cho chủ tàu về việc xếp dỡ hàng hoá chậm hơn so với HĐ.

• Mức phạt:

+ Quy định chung cho cả tàu/ngày: 2000 USD/ngày

+ Quy định chung cho 1 tấn dung tích đăng kí/ngày: 2 USD/GRT hoặc DWT

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯỜNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑨ Thưởng phạt xếp dỡ nhanh chậm

- Dispatch: thưởng xếp dỡ nhanh là khoản tiền mà chủ tàu phải trả cho ng thuê về việc xếp dỡ hàng nhanh hơn so với t/gian quy định của HĐ
- + Mức thưởng thông thường = $\frac{1}{2}$ mức phạt
- Thưởng cho cả tàu/ngày 1000 USD/ngày/tàu
- Thưởng cho tấn trọng tải-GRT hay tấn dung tích DWT/ngày

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯỜNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑨ Thường phạt xếp dỡ nhanh chậm

- Dispatch: thường xếp dỡ nhanh là khoản tiền mà chủ tàu phải trả cho ng thuê về việc xếp dỡ hàng nhanh hơn so với t/gian quy định của HĐ

+ T/gian thưởng:

- Thường cho tất cả t/gian tiết kiệm được (time saved)
- Thường cho t/gian làm việc tiết kiệm được (Working time saved only)

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑨ Thuợng phạt xếp dỡ nhanh chậm

- Cách tính thuợng phạt:

- Tính bù trừ:**

- Tính thuợng riêng phạt riêng, chủ hàng thiệt**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑩ TN và miễn trách của chủ tàu

- TN:
- cung cấp tàu đủ khả năng đi biển
- điều tàu đến cảng nhận hàng
- hướng dẫn ng thuê tàu thực hiện công việc xếp dỡ hàng hoá lên xuống tàu
- PH 1 bộ VĐ cho ng gửi hàng khi nhận hàng để chở

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑩ TN và miễn trách của chủ tàu

- TN:
- điều khiển tàu chạy trên biển với tốc độ hợp lý
- chăm sóc, bảo quản hàng hoá trong quá trình chuyên chở
- không được miễn trách đối với lỗi hàng vận

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑩ TN và miễn trách của chủ tàu

- Miễn trách

- do thiên tai tai nạn bất ngờ hoặc do TH BKK
- do chiến tranh đình công hoặc hành động của kẻ thù
- tổn thất thiệt hại do ản tì nội tì hay bản chất đặc biệt của hàng hoá

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

11. Trọng tài

12. Luật xét xử: Luật hàng hải Anh và Mỹ

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

3. Phương thức thuê tàu định hạn

a. Khái niệm: phương thức cho thuê tàu mà chủ tàu cho ng thuê thuê toàn bộ chiếc tàu để chở hàng hoặc khai thác tàu lấy cước.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

3. Phương thức thuê tàu định hạn

b. Đặc điểm

- là phương thức thuê TS
- trong t/gian thuê chủ tàu chỉ chuyển giao quyền sử dụng con tàu chứ không chuyển giao quyền SH con tàu.
- chủ tàu phải bàn giao quyền sử dụng con tàu cho ng thuê trong suốt t/gian thuê

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

3. Phương thức thuê tàu định hạn

c. Các hình thức thuê: luật Hàng hải 2005

- **Thuê định hạn**
- **Thuê tàu trần**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

3. Phương thức thuê tàu định hạn

d. Mẫu HĐ

- Là HĐ thuê TS**
- ĐK thời hạn hoàn trả tàu**
- Đk phân chia CP trong t/gian thuê**